

UBND XÃ TAM HƯNG
TRƯỜNG TH MỸ HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/UBND-THMH

Tam Hưng ngày 01 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục
phổ thông; kế hoạch và kết quả hoạt động GDPT năm 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Tiểu học Mỹ Hưng công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông năm học 2025-2026, nội dung cụ thể như sau:

1. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

Tổng cán bộ giáo viên, nhân viên: 33 đ/c

Trong đó: - CB quản lý: 02 đ/c Trình độ đào tạo: 01 thạc sĩ; 01 DH

- GV: 24 đ/c trình độ đào tạo: 20 DH; 04 CD

- Nhân viên BC: 04 đ/c trình độ đào tạo: 02 DH; 01 CD; 01 TC

- Nhân viên HD 111: 03 đ/c; Trình độ đào tạo : 02 DH; 01 TC

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng: Phòng Văn hóa đánh giá: Tốt

- Tổng số giáo viên: 16 tốt: 16/24 (66,7%); Khá: 8/24 (33,3%)

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 26/26 (100%) trong đó: BGH: 02; GV: 24.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

* Tổng diện tích đất toàn trường: 8.880 m²



Diện trường: Khu Trung tâm xã Mỹ Hưng cũ, xã Tam Hưng, TP Hà Nội.

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 1,3m²

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hồ trữ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- + Diện tích phòng học (m²): 836m²/17 lớp
- + Diện tích phòng thư viện (m²): 104m²
- + Diện tích phòng giáo dục thể chất (Phòng đa năng): 340m²
- + Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (Âm nhạc + Mỹ thuật): 73m²
- + Diện tích phòng Ngoại ngữ: 73m²
- + Diện tích phòng tin học: 44m²
- + Diện tích phòng thiết bị giáo dục: 24m²
- + Diện tích phòng hồ trữ giáo dục học sinh khuyết tật: 44m²
- + Diện tích phòng truyền thống và phòng đội: 73m²
- + Diện tích sân chơi, bãi tập: 2.500m²

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định: 17/17 lớp so với thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định là không thiếu.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Nhà trường năm học 2025-2026 sử dụng sách giáo khoa kết nối tri thức với cuộc sống.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đời ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và

Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

- Năm học 2025-2026 nhà trường tự đánh giá Mức độ 2
- Số tiêu chuẩn Đạt: 5/5 tiêu chuẩn
- Số tiêu chuẩn chưa đạt: 0 tiêu chuẩn
- Số tiêu chí Đạt: 27/27 tiêu chí
- Số tiêu chí chưa đạt: 0 tiêu chí

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

100% giáo viên trong nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

Nhiệt tình tâm huyết, tích cực học hỏi chuyên môn, có uy tín đối với học sinh, cha mẹ học sinh.

Năm học 2025-2026 nhà trường tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên đặc biệt là công tác chuyên môn, chú trọng đến việc đổi mới phương pháp dạy học. Tăng cường tổ chức cho giáo viên nghiên cứu chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp không
- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục: Không
- Nguồn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục:

II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) *Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục*

Kế hoạch tuyển sinh của các cơ sở giáo dục tại nhà trường tuyển sinh lớp 1. Tuyển sinh trực tuyến sẽ diễn ra từ ngày 1/7 đến hết ngày 3/7. Học sinh chưa đăng ký trực tuyến có thể đăng ký trực tiếp từ ngày 12/7 đến hết ngày 18/7

b) *Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục*

Năm học 2025-2026. Nhà trường ban hành kế hoạch số 245/KH-TTHMH ngày 3/9/2025 về tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

c) *Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh*

Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục (nhà trường) với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh nhằm mục đích thống nhất quan điểm, nội dung và phương pháp giáo dục, đảm bảo sự phát triển toàn diện của học sinh. Quy chế này quy định rõ trách nhiệm, hình thức phối hợp giữa các bên để tạo môi trường giáo dục lành mạnh, hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng của mỗi học sinh.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

Hàng năm nhà trường kết hợp với các công ty cho học sinh đi tham quan trải nghiệm, tổ chức ngày các hội thi rèn luyện cho học sinh.

đ) Thực đơn hàng ngày của học sinh (nếu có): Theo thực đơn của bên cung cấp suất ăn cho trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Kết quả tuyển sinh năm học: 2025-2026

Lớp 1: 112 học sinh bình quân: 37,3 hs/1 lớp

Lớp 2: 108 học sinh bình quân: 36 hs/1 lớp

Lớp 3: 114 học sinh bình quân: 28,5 hs/1 lớp

Lớp 4: 125 học sinh bình quân: 41,6 hs/1 lớp

Lớp 5: 135 học sinh bình quân: 33,7 hs/1lớp

Học sinh chuyển đến năm học 2025-2026: 03 HS

Học sinh chuyển đi năm học 2025-2026: 06 HS

b) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tổng hợp kết quả cuối năm 2025-2026	594	112	108	114	125	135
Lên lớp						
(tỷ lệ so với tổng số)	98	97	97	97	98	100
Trong đó:						
HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	37	43	29	41	34	38

HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	15	16	19	18	12	14
Ở lại lớp	2%	3%	3%	3%	2%	0%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Số học sinh chia theo kết quả học tập	594	112	108	114	125	135
Hoàn thành tốt (HTXS)						
(tỷ lệ so với tổng số)	37	42	31	41	33	38
Hoàn thành						
(tỷ lệ so với tổng số)	61	55	66	56	65	62
Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2	3	3	3	2	0

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp (nếu có): Không

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT,...



Bùi Thị Lý